

Bản án số: 66/2019/HS-ST
Ngày 28-11-2019

NHÂN DA
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hoài Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Hùng Dũng;

Bà Trần Thị Lãm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thúy An – Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: bà Phạm Thị Thảo Nguyên - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 61/2018/TLST-HS ngày 25 tháng 10 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2019/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 11 năm 2019 và Thông báo hoãn phiên tòa số 09/TB-TA, ngày 15-11-2019 đối với các bị cáo:

Trần Tấn L (tên gọi khác: không có), sinh ngày: 03-8-1989, tại tỉnh Tây Ninh. Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: ấp L, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: không có; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Tấn P, sinh năm 1970 và Nguyễn Thị T, sinh năm 1974; vợ Nguyễn Thị Bé H, sinh năm 1990 (đã ly hôn), con: có 01 người, sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: không có; nhân thân: Ngày 20/01/2010, bị Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục về hành vi “Đánh người gây rối trật tự công cộng”, đến ngày 27-12-2010 đã chấp hành xong. Ngày 19-11-2019 Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tây Ninh xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội “tàng trữ trái phép chất ma túy”. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam tại Công an huyện G, tỉnh Tây Ninh từ ngày 29-7-2019 đến nay, (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

Nguyễn Văn H (tên gọi khác: không có), sinh ngày: 16-01-2000, tại tỉnh Tây Ninh. Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: ấp L, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Làm mướn; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1960 và Trần Thị H, sinh năm 1969; Vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: không có; nhân thân: ngày 03-8-2019 công an huyện G ra Quyết định số 586/QĐ-XPVPHC về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy số tiền 750.000 đồng. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 29-8-2019 đến nay, (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

- **Bị hại: A Trương Hồng T**, sinh năm: 1994. Địa chỉ cư trú: ấp T, xã D, huyện H, tỉnh Tây Ninh, (có mặt).

- **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: A Nguyễn Hoài A**, sinh năm: 1992. Địa chỉ cư trú: ấp R, xã T, huyện B, tỉnh Tây Ninh, (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 13-7-2019, anh Trương Hồng T dựng chiếc xe mô tô biển số 70C1 – 115.62 tại tiệm hớt tóc của anh Lê Thanh Tùng thuộc ấp L, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh và bị mất trộm. Anh T trình báo sự việc đến cơ quan công an huyện B.

Qua quá trình điều tra đã kết luận:

Khoảng 0 giờ 30 phút ngày 13-7-2019, Nguyễn Văn H điều khiển xe mô tô biển số 70K6 – 4378 của H chở Trần Tấn L đi từ nhà L tại ấp L, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh đến nhà H tại ấp L, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh đi công chuyện. Khi đi ngang tiệm hớt tóc của anh Lê Thanh Tùng thuộc ấp L, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh thì L và H phát hiện xe mô tô biển số 70C1 – 115.62 của anh Trương Hồng T đang dựng trước tiệm hớt tóc không người trông coi nên nảy sinh ý định chiếm đoạt xe bán lấy tiền cùng nhau tiêu xài và mua ma túy để sử dụng. H chở L quay lại tiệm hớt tóc của anh Tùng, cả hai bàn bạc phân công L đi vào lấy trộm xe, H đứng ngoài canh giới. Lúc này, L đi vào nơi để xe mô tô biển số 70C1 – 115.62 phát hiện nắp khóa từ bị đóng không lấy xe được nên L quay ra nói với H. Sau đó, H vào lấy được xe 70C1 – 115.62 đẩy bộ ra ngoài và ngồi lên điều khiển, L điều khiển xe mô tô 70K6 – 4378 dùng chân đẩy xe vừa trộm được cùng H đến nhà một người tên V (không rõ lai lịch) tại ấp X, xã T, huyện G, tỉnh Tây Ninh để nhờ V đem xe đi bán nhưng không gặp nên L để xe mô tô biển số 70C1 – 115.62 tại sân nhà V sau đó điều khiển xe mô tô biển số 70K6 – 4378 chở H về nhà rồi quay lại nhà V, lấy xe đem đến nhà Phạm Thanh T cùng ngụ ấp X, xã T, huyện G, tỉnh Tây Ninh. Tại đây, L rút dây bình và chờ T về để nhờ T mang xe đi bán dùm. Đến khoảng 08 giờ cùng ngày, T về nhà và đồng ý mang xe đi bán dùm nên L đưa cho T 200.000 đồng để đổ xăng và mang xe đi bán. Sau khi T mang xe sang Campuchia thì không quay trở lại nên L và H sang Campuchia tìm nhưng không được. Đến ngày 29-7-2019, sau khi sử dụng ma túy L và H điều khiển xe mô tô biển số 70K6 – 4378 đi tìm tài

sản để lấy trộm thì bị Công an huyện G, tỉnh Tây Ninh kiểm tra phát hiện L có hành vi “Tàng trữ trái phép chất ma túy” nên lập biên bản tạm giữ L và xe mô tô biển số 70K6 – 4378 để làm rõ, riêng H không biết việc L tàng trữ trái phép chất ma túy nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G, tỉnh Tây Ninh đã trả tự do. Tại Cơ quan điều tra Công an huyện B, L và H thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Kết luận định giá tài sản số 41 ngày 13-8-2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện B, tỉnh Tây Ninh kết luận xe mô tô biển số 70C1 – 115.62 có giá trị 11.445.000 đồng.

Kết quả thu giữ và xử lý vật chứng: Không có.

Về bồi thường thiệt hại: Xe mô tô biển số 70C1 – 115.62 là tài sản của anh Nguyễn Hoài A đã cho anh Trương Hồng T mượn. Anh Hoài A và anh T tự thỏa thuận với nhau nên anh Hoài A không có yêu cầu gì đối với anh T. Anh Trương Hồng T yêu cầu bị cáo L và bị cáo H bồi thường số tiền 11.445.000 đồng, L và H chưa bồi thường.

Trần Tấn L, Nguyễn Văn H không có tài sản nên Công an huyện B, tỉnh Tây Ninh không kê biên tài sản.

Đối với hành vi của người tên V và Phạm Thanh T, Cơ quan điều tra chưa làm việc được với V và T do đã bỏ trốn khỏi địa phương nên chưa đủ căn cứ xử lý.

Tại bản Cáo trạng số: 64/CT-VKSBC ngày 24 tháng 10 năm 2019, của Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Tây Ninh đã truy tố Trần Tấn L, Nguyễn Văn H, về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định Điểm a Khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Trần Tấn L, Nguyễn Văn H đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu.

Tại phiên tòa bị cáo L tự nguyện bồi thường cho anh Trương Hồng T toàn bộ số tiền 11.445.000 đồng, không yêu cầu bị cáo H cùng bồi thường. Anh Trương Hồng T đồng ý cho bị cáo L bồi thường toàn bộ số tiền 11.445.000 đồng. Không yêu cầu bị cáo H phải bồi thường.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Tây Ninh vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Trần Tấn L, Nguyễn Văn H phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng Điểm a Khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự; Điểm r, s Khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Trần Tấn L từ 2 năm đến 2 năm 6 tháng tù. Áp dụng Điểm a Khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự; Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự xử Bị cáo Nguyễn Văn H từ 2 năm đến 2 năm 6 tháng tù.

Xử lý vật chứng: xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Về bồi thường thiệt hại: Buộc bị cáo L bồi thường cho bị hại số tiền 11.450.000 đồng.

Bị cáo Trần Tấn L không có ý kiến tranh luận.

Bị cáo Nguyễn Văn H không có ý kiến tranh luận.

Anh T, anh Hoài A xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Các bị cáo nói lời nói sau cùng: Các bị cáo đã ăn năn hối cải, xin Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng mức thấp nhất của khung hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được trA tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: Vào khoảng 0 giờ 30 phút, ngày 13-7-2019, bị cáo L cùng bị cáo H đã thực hiện hành vi lén lút vào nhà của anh Lê Thanh T tại ấp L, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh, chiếm đoạt xe mô tô biển số 70C1 – 115.62, có giá trị 11.445.000 đồng. Bị cáo L và bị cáo H đã bàn bạc và phân công cụ thể để thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi của bị cáo L và bị cáo H có đủ yếu tố cấu thành tội “trộm cắp tài sản” với tình tiết định khung tăng nặng “có tổ chức” theo quy định Điểm a Khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

[3] Vụ án mang tính chất nghiêm trọng, đã cố ý trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân, gây mất trật tự trị an tại địa phương nên cần nghiêm trị để có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung trong xã hội. Khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo có đủ nhận thức về hành vi của các bị cáo là vi phạm pháp luật, nhưng các bị cáo vẫn cố tình thực hiện. Bị cáo L, bị cáo H đều đã bị xử lý vi phạm hành chính nhưng lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội. Điều này cho thấy ý thức xem thường pháp luật của các bị cáo, do đó xét thấy cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn để có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung trong xã hội.

[4] Xét vai trò của từng bị cáo trong vụ án thấy rằng: Bị cáo L là người rủ rê tổ chức, thực hiện hành vi lấy trộm và đem tài sản đi tiêu thụ do vậy bị cáo L phải chịu trách nhiệm hình sự cao nhất trong vụ án này. Bị cáo H là đồng phạm với vai trò giúp sức, cảnh giác bên ngoài, tạo điều kiện cho bị cáo L thực hiện hành vi lấy trộm và sau khi L thực hiện không được hành vi thì L phân công cho bị cáo H tiếp tục thực hiện hành vi trộm theo hướng dẫn của bị cáo L và cùng

đem tài sản đi tiêu thụ nên phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của bị cáo sau bị cáo L.

[5] Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt, cần xem xét đến tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo:

Tình tiết tăng nặng: không có

Tình tiết giảm nhẹ: trong quá trình điều tra, cũng như tại phiên tòa

- Bị cáo L thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, và tự khai hành vi phạm tội trước đó, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm r, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

- Bị cáo H thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

- Bị cáo L đã bị xử lý vi phạm hành chính lại tiếp tục vi phạm pháp luật, bị cáo H vi phạm pháp luật chưa xử lý thì lại bị xử lý vi phạm hành chính, việc này cho thấy các bị cáo xem thường pháp luật, do đó các bị cáo có nhân thân xấu.

Các bị cáo không có tài sản nên miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

Đối với hành vi của người tên V và người tên Phạm Thanh T, Cơ quan điều tra chưa làm việc được khi nào làm việc được sẽ xử lý sau.

Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tại phiên tòa đề nghị là có căn cứ chấp nhận, cần áp dụng hình phạt tù để cách ly các bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian, để cải tạo giáo dục cho các bị cáo trở thành công dân tốt cho xã hội, biết chấp hành pháp luật. Tuy nhiên xét về tính chất, mức độ vi phạm và hành vi của các bị cáo thì bị cáo L phải chịu trách nhiệm hình sự cao hơn bị cáo H.

[6] Về xử lý vật chứng:

Đối với xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius FI, màu sơn đỏ - đen, dung tích: 113 cm³, biển số 70K6 – 4378, số máy 1FC3 -008354, số khung: RLCS1FC30EY008355 không thu hồi được nên không xử lý.

Đối với xe mô tô hiệu Wave biển số 70K6 – 4378 là tài sản riêng của Nguyễn Văn H, là phương tiện phạm tội nên cần tiếp tục tạm giữ theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 04-11-2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện G (bản án số 125/HS-ST, ngày 19-11-2019 của TAND huyện G) để tịch thu sung ngân sách nhà nước.

[7] Về bồi thường thiệt hại: Anh Nguyễn Hoài A không có yêu cầu gì đối với anh Trương Hồng T.

Anh Trương Hồng T yêu cầu bị cáo L và bị cáo H bồi thường số tiền 11.445.000 đồng. Bị cáo L và bị cáo H đồng ý bồi thường cho anh Hoài A số tiền 11.445.000 đồng.

Tại phiên tòa bị cáo L tự nguyện một mình bồi thường cho anh T, không yêu cầu bị cáo H có trách nhiệm bồi thường chung. Anh T đồng ý và chỉ yêu cầu 1 mình bị cáo L bồi thường nên ghi nhận.

Nên cần buộc bị cáo L có nghĩa vụ bồi thường cho anh T số tiền 11.445.000 đồng.

[8] Về án phí: Bị cáo Trần Tấn L, bị cáo Nguyễn Văn H phải chịu án phí quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điểm a Khoản 2 Điều 173; Điểm r, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

1. Tuyên bố bị cáo **Trần Tấn L** phạm tội: “*Trộm cắp tài sản*”.

Xử phạt bị cáo **Trần Tấn L** 2 (hai) năm 6 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 29-7-2019.

Căn cứ Điểm a Khoản 2 Điều 173; Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

2. Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Văn H** phạm tội: “*Trộm cắp tài sản*”.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn H** 2 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 29-8-2019.

3. Về vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu sung ngân sách Nhà nước 01 xe mô tô hiệu Wave biển số 70K6 – 4378 là tài sản riêng của Nguyễn Văn H (theo bản án số 125/HS-ST, ngày 19-11-2019 của TAND huyện G và biên bản giao nhận vật chứng ngày 04-11-2019 tại Chi cục thi hành án huyện G).

4. Về bồi thường thiệt hại: Buộc bị cáo Trần Tấn L bồi thường cho anh Trương Hồng T số tiền 11.445.000 đồng.

Kể từ ngày anh T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo L không chịu trả số tiền nêu trên, thì hàng tháng bị cáo L còn phải trả cho anh T số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

5. Về án phí: Căn cứ các Điều 135, Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016 ngày 30-12-2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo L phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 572.000 (năm trăm bảy mươi hai nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm. Tổng cộng là: 772.000 (bảy trăm bảy mươi hai nghìn) đồng. Bị cáo H phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Án hình sự sơ thẩm xử công khai, báo cho bị cáo L, bị cáo H, anh Hoài A, anh T biết được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện B;
- CA huyện B;
- CA huyện G (THA HS);
- Chi Cục THADS huyện B;
- Chi Cục THADS huyện G;
- Các bị cáo;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hoài Tâm

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

.....

.....